UBND TỈNH GIA LAI **SỞ NỘI VỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 3897 /KH-SNV	*Gia Lai, ngày 11tháng 6 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Đề án 06 phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Sở Nội vụ

Thực hiện Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 9/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh. Sở Nội vụ xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh tiếp tục kế thừa, phát huy hiệu quả các kết quả tích cực từ Đề án 06 giai đoạn 2022 - 2025; đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế; đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 tại Sở, gắn với đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu về dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), phát triển kinh tế số, xã hội số và công dân số, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và cải cách hành chính.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương, sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của người đứng đầu nhằm triển khai hiệu quả Đề án 06 tại Sở theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Yêu cầu

- Triển khai thống nhất, đồng bộ xác định rõ chỉ tiêu, nhiệm vụ, lộ trình; phân công trách nhiệm cụ thể; bảo đảm chỉ đạo, điều hành tập trung, hiệu quả và phối hợp chặt chẽ giữa các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở.

- Bám sát định hướng, chỉ đạo của tỉnh và các chiến lược liên quan; tổ chức thực hiện Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 theo nguyên tắc "5-3-3-2-1"[1], bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực chất.

---

[1] **5 trụ cột trọng tâm**: pháp lý, hạ tầng, dữ liệu, nguồn lực, an toàn - an ninh; triển khai ở **3 cấp chính quyền**; hướng đến **3 giá trị cốt lõi**: văn minh xã hội, phát triển kinh tế, phòng chống tội phạm; **2 nhóm chủ thể đồng hành**: nhà nước kiến tạo và khu vực tư nhân chủ động sáng tạo; **1 quyết tâm chính trị cao độ của người đứng đầu** trong toàn hệ thống.

- Người đứng đầu các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc nêu cao vai trò trách nhiệm, quyết tâm trong tổ chức thực hiện bảo đảm nguyên tắc "6 rõ", gắn với công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

- Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; các giải pháp, nền tảng, dịch vụ số bảo đảm thuận tiện, dễ tiếp cận, an toàn, góp phần nâng cao mức độ hài lòng.

- Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn; bảo đảm kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu; tuân thủ các quy định về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Kịp thời tháo gỡ khó khăn, xử lý "điểm nghẽn"; cập nhật, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; gắn nhiệm vụ với chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá cụ thể.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thúc đẩy phát triển, ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử mạnh mẽ, toàn diện, sâu rộng trong mọi lĩnh vực để thúc đẩy chuyển đổi số của tỉnh, phục vụ hiệu quả các trụ cột chính phủ số, kinh tế số, xã hội số góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đến năm 2030, hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi của Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, TTHC theo địa giới hành chính, góp phần đưa tỉnh Gia Lai trở thành tỉnh phát triển khá và cùng với cả nước vững vàng bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

2. Mục tiêu cụ thể

- *Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030:* Tập trung triển khai các nhóm mục tiêu trọng tâm sau: (1)Phục vụ phát triển công dân số; (2)Đảm bảo an sinh xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này)

- *Tầm nhìn đến năm 2035:* Xây dựng Sở Nội vụ trở thành một đơn vị phát triển bền vững, toàn diện về chuyển đổi số, trong đó mọi hoạt động đều được thực hiện trên môi trường số. Các cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành, với dữ liệu dân cư là hạt nhân, được kết nối, chia sẻ và sử dụng hiệu quả để phục vụ xây dựng Chính quyền thông minh, cho phép ra quyết định trên CSDL theo thời gian thực. Dữ liệu và công nghệ số được ứng dụng sâu rộng trong mọi lĩnh vực.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư

- Rà soát, đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn triển khai để tháo gỡ các điểm nghẽn, giám sát trong công tác quản lý nhà nước và phục vụ phát triển chính phủ

số, kinh tế số, xã hội số, công dân số.

- Tổ chức triển khai thống nhất Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo các quy định, đẩy mạnh tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

2. Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Tập trung thực hiện việc tái cấu trúc, cắt giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu; trong đó: thực hiện công bố thông tin có trong các CSDL, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung.

- Triển khai các sáng kiến, mở rộng các hình thức tiếp cận và sử dụng dịch vụ công, TTHC để tạo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cung cấp số liệu về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của Sở cho các cơ quan truyền thông để công bố, công khai trên các phương tiện truyền thông.

3. Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

- Triển khai thúc đẩy sử dụng tài khoản định danh điện tử trong các giao dịch, TTHC.

- Rà soát, xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

4. Phục vụ phát triển công dân số

- Tập trung triển khai các giải pháp để công dân thực hiện các quyền và nghĩa vụ trên môi trường số như: (1)Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết TTHC; (2)Liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, dịch vụ tiền di động trên ứng dụng VNeID để thực hiện thanh toán, chi trả an sinh xã hội.

- Phối hợp trong việc tạo lập ví giấy tờ của công chức, viên chức và người lao động trên VNeID trên môi trường số theo quy định.

- Phối hợp triển khai các tiện ích để công chức, viên chức và người lao động thực hiện trên môi trường số như: tài khoản định danh điện tử, căn cước, chữ ký số, tài khoản thanh toán…

- Triển khai các cơ chế khi thực hiện dịch vụ số, TTHC trực tuyến theo quy định.

- Triển khai đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng trên nền tảng "Bình dân học vụ số".

5. Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu

- Triển khai đưa vào sử dụng các CSDL chuyên ngành theo các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

- Phối hợp hoàn thiện kết nối, đồng bộ dữ liệu của Sở về CSDL quốc gia về dân cư phục vụ phân tích chỉ đạo điều hành và tích hợp trên VNeID theo quy định.

- Phối hợp triển khai các nền tảng hệ thống lưu trữ qua nền tảng VNeID, nền tảng số quốc gia về văn thư, lưu trữ theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung

ương.

- Kết nối, chia sẻ dữ liệu của Sở được thực hiện thống nhất thông qua nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu (NDOP).

6. An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội

- Tập trung đẩy mạnh việc tích hợp, sử dụng tài khoản an sinh xã hội, triển khai hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội dựa trên dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

7. Bảo đảm an ninh mạng

- Rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng của Sở theo quy định.

8. Kiểm tra, giám sát, đo lường và đánh giá triển khai

- Thanh tra công vụ, kiểm tra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công.

- Đánh giá mức độ hài lòng của người dân trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

(Phụ lục II: Danh mục các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở về kết quả thực hiện; kết quả triển khai Kế hoạch là một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

- Đẩy mạnh tuyên truyền đến công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý sử dụng các tiện ích của Đề án 06.

- Định kỳ trước ngày **05 hàng tháng** báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch này về Sở Nội vụ (qua Văn phòng Sở) để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Giao Văn Phòng Sở chủ trì theo dõi việc tổ chức thực hiện Kế hoạch này và các văn bản có liên quan đến triển khai Đề án 06, kiểm tra, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao nhằm bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này nếu phát sinh vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung, các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc có văn bản gửi về Sở Nội vụ (qua Văn phòng Sở) để tổng hợp trình Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai

đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến năm 2035 của Sở Nội vụ, Trưởng các phòng chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận*:**
- UBND tỉnh (để b/c);
- Công an tỉnh;
- Giám đốc các Phó Giám đốc Sở;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở (để t/h);
- BBT Trang TTĐT Sở;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
TỈNH GIA LAI

Nguyễn Thanh Vũ

PHỤ LỤC 1. MỤC TIÊU CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN 06 GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SNV ngày tháng 6 năm 2026 của Sở Nội vụ)

STT	MỤC TIÊU CỤ THỂ	ĐƠN VỊ TÍNH	MỤC TIÊU		ĐƠN VỊ THEO DÕI
			Năm 2026	Năm 2030	
I	**Phục vụ phát triển công dân số**				
1	Tỷ lệ cán bộ cơ quan nhà nước được tập huấn kỹ năng số cơ bản	%	100	-	Phòng Công chức, Viên chức
2	Hoàn thành phổ cập kỹ năng số cơ bản cho lực lượng lao động	%	50	90	Phòng Lao động, Việc làm
II	**Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội**				
3	Tỷ lệ người hưởng trợ cấp qua tài khoản an sinh xã hội	%	≥50	100	Văn Phòng Sở
4	Đồng bộ, kết nối, tích hợp CSDL có liên quan phục vụ chi trả an sinh xã hội	%	-	100	Phòng Thi đua Khen thưởng và Người có công

Phụ lục II. DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐỀ ÁN 06 GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SNV ngày tháng 6 năm 2026 của Sở Nội vụ)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
I	**Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến**				
1	Công khai các trường thông tin trong CSDL được khai thác và hướng dẫn phương thức, quy trình kết nối chia sẻ, khai thác, sử dụng để thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ TTHC	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc	Thực hiện thường xuyên	Công bố trường thông tin trong CSDL phục vụ giải quyết TTHC theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ, UBND tỉnh.
II	**Phục vụ phát triển công dân số**				
2	Tích hợp các tài liệu, học liệu phục vụ công tác đào tạo, tập huấn trên nền tảng Bình dân học vụ số	Các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên *(ít nhất 1 tài liệu (học liệu)/năm)*	Học liệu về các lĩnh vực quản lý được tích hợp lên nền tảng Bình dân học vụ số
3	Triển khai các khóa đào tạo trên nền tảng "Bình dân học vụ số"	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc	Thực hiện thường xuyên	Tỉ lệ công chức viên chức được đào tạo trên nền tảng học tập trực tuyến
4	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số và dữ liệu	Phòng Công chức, Viên chức	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên	Xây dựng và triển khai Kế hoạch thu hút, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả, sản phẩm
					lực chuyển đổi số, nhân lực dữ liệu trong các cơ quan nhà nước
III	**Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành**				
5	Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng dụng CSDL cán bộ, công chức, viên chức phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành	Phòng Công chức, Viên chức		Quý II/2026	Kế hoạch của UBND tỉnh
IV	**An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội**				
6	Đồng bộ dữ liệu thất nghiệp, dữ liệu việc làm, các nguồn dữ liệu khác về hệ thống CSDL dân cư phục vụ chi trả an sinh xã hội để phân tích, hoạch định chi trả và phòng chống tội phạm	Phòng Thi đua Khen thưởng và Người có công; Phòng Lao động, Việc làm; Trung tâm Dịch vụ việc làm	Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Kho dữ liệu tổng hợp về an sinh xã hội, việc làm, thất nghiệp phục vụ phân tích, dự báo
V	**Bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống CSDL quốc gia về dân cư và các hệ thống, nền tảng kết nối**				
7	Rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối	Văn phòng Sở	Công an tỉnh	Thực hiện thường xuyên	Các hệ thống, thiết bị được rà soát, triển khai đảm bảo
VI	**Kiểm tra, giám sát**				
8	Thanh tra công vụ, kiểm tra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công	Phòng Công chức, Viên chức	Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường	Thực hiện thường xuyên	